

QUYẾT ĐỊNH

Chi trả tiền Hỗ trợ chi phí học tập cho Sinh viên là người dân tộc thiểu số đợt 1 năm 2020

GIÁM ĐỐC PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

- Căn cứ quyết định số: 4213/QĐ-BGDĐT ngày 01/10/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Phân hiệu Trường ĐHLN tại Đồng Nai;
- Căn cứ quyết định số: 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường ĐHLN tại tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;
- Căn cứ thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 v/v Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;
- Theo đề nghị của hội đồng xét chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số ngày 23/6/2020,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập cho 15 Sinh viên hệ chính quy là người dân tộc thiểu số diện hộ cận nghèo đợt 1 năm 2020, như sau:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo được cấp hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương căn bản và được cấp đợt 1 là 05 tháng kể từ tháng 01/2020.

Điều 3. Trưởng các Khoa CN&KT; Kinh tế; Lâm học; Nông học; TN&MT, Phòng CT&CT SV; TCKT và các sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 
- Như điều 3;
- Lưu VT.





DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP ĐỢT 1 NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 491/QĐ-PHĐHLN-SV ngày 24 tháng 6 năm 2020)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp quản lý	Đối tượng	Dân tộc	Lương tối thiểu 1.490.000		Thành tiền	Ghi chú
							Số tháng hưởng	Mức hỗ trợ/tháng		
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=5*6)	
I	Khoa Kinh tế									
1	197340101012	Triệu Thị Hoa	25/11/2001	K64_KT	DT+ĐN	Dao	5	894.000	4.470.000	
II	Khoa Lâm học									
2	197620205001	K' Luyen	24/05/2001	K64_Lâm Sinh	dtvc+ĐN	Mạ	5	894.000	4.470.000	
3	175850103019	Liêng Hót Ha Sao	05/06/1999	K62_QLĐĐ	dtevc+ĐN	Cil	5	894.000	4.470.000	
4	187620205009	K' Sử	04/05/2000	K63_Lâm Sinh	DT+CN	Koho	5	894.000	4.470.000	
5	197850103023	H' Trim	09/05/2000	K64_Lâm Sinh	dtevc+ĐN	Mạ	5	894.000	4.470.000	
III	Khoa Nông học									
6	175640101022	Nông Thị Nguyên	04/09/1997	K62A_Thú Y	DT+ĐN	Tày	5	894.000	4.470.000	
7	187620205006	Bo Bo Thị Quỳnh Như	07/06/2000	K63_KHCT	DT+CN	Raglay	5	894.000	4.470.000	
8	187620205007	Bo Bo Thị Thế	20/06/2000	K63_KHCT	DT+ĐN	Raglay	5	894.000	4.470.000	
IV	Khoa TN&MT									
9	165620211028	K'Brin	28/10/1998	K61_QLTNR	DT+CN	Koho	5	894.000	4.470.000	
10	197620211010	Kon Sơ Ha Huynh	21/03/2000	K64_QLTNR	DT+CN	Cil	5	894.000	4.470.000	
11	165620211024	Đặng Quốc Phương	18/08/1998	K61_QLTNR	DT+CN	Dao	5	894.000	4.470.000	
12	175850101006	Vi Văn Nhỏ	17/04/1998	K62_QLTN&MT	DT+ĐN	Nùng	5	894.000	4.470.000	
13	197620211014	H' Phiếu	17/05/2001	K64_QLTNR	DT+ĐN	Mạ	5	894.000	4.470.000	
14	175620211023	H' Bảo Yến	10/08/1999	K62_QLTNR	DT+ĐN	Mạ	5	894.000	4.470.000	
15	165620211051	Đình Thị Xương	04/03/1998	K61_QLTNR	DT+ĐN	Hre	5	894.000	4.470.000	
Cộng									67.050.000	

(Sáu mươi bảy triệu không trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)